

CHÍNH PHỦ
Số: 44/CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1997

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành điều lệ mẫu Hợp tác xã công nghiệp và xây dựng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ mẫu Hợp tác xã Công nghiệp và xây dựng.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ mẫu này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ./.

ĐIỀU LỆ MẪU HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 44/CP ngày 29 tháng 4 năm 1997 của)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa Hợp tác xã Công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp:

Hợp tác xã Công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, Hợp tác xã xây dựng (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã Công nghiệp) là tổ chức kinh tế tự chủ, do những người lao động có nhu cầu lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức, lập ra theo quy định của pháp luật, để sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ công nghiệp, xây dựng.

Điều 2. Tư cách pháp nhân, tên, địa chỉ, vốn Điều lệ của Hợp tác xã Công nghiệp, Hợp tác xã Công nghiệp:

Là tổ chức có tư cách pháp nhân; tối thiểu phải có 9 xã viên;

Có tên bằng tiếng Việt, biểu tượng (nếu có).

Có địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã.

Có con dấu riêng; được mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam.

Hợp tác xã phải ghi mức vốn điều lệ, Hợp tác xã có vốn và tài sản chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã.

Điều 3. Các loại hình và nguyên tắc tổ chức hoạt động của Hợp tác xã Công nghiệp:

1. Tùy theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà Hợp tác xã có thể tổ chức các loại hình Hợp tác xã cho thích hợp như:

Loại hình Hợp tác xã sản xuất tập trung.

Loại hình Hợp tác xã sản xuất phân tán tại hộ gia đình.

Loại hình Hợp tác xã vừa có sản xuất tập trung vừa có sản xuất phân tán.

2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động; quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Luật Hợp tác xã.

Điều 4. Tổ chức Đảng và Đoàn thể trong Hợp tác xã Công nghiệp:

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam, Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác và tổ chức dân quân tự vệ trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức này.

CHƯƠNG II

XÃ VIÊN

Điều 5. Điều kiện trở thành xã viên:

Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có khả năng lao động, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tán thành Điều lệ Hợp tác xã Công nghiệp tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã, được Đại hội xã viên chấp thuận sẽ trở thành xã viên Hợp tác xã.

Đối với Hợp tác xã Công nghiệp, khi thành lập phải có ít nhất 9 xã viên, trong đó phải có 2/3 xã viên có nghề chuyên môn phù hợp với ngành nghề của Hợp tác xã.

Hộ gia đình có nhu cầu và tự nguyện tham gia Hợp tác xã phải cử người đại diện hộ gia đình, có đủ tiêu chuẩn xã viên, làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã, có quyền và nghĩa vụ như một xã viên khác.

Điều 6. Quyền của xã viên:

1. Được ưu tiên làm việc cho Hợp tác xã và được Hợp tác xã trả công lao động theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.
2. Được hưởng lãi chia theo vốn góp, công sức đóng góp của xã viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã.
3. Được ứng cử, đề cử, bầu cử những người mình tín nhiệm vào Ban quản trị, Ban kiểm soát hoặc những chức vụ được bầu khác của Hợp tác xã.
4. Được dự Đại hội hoặc bầu đại biểu đi dự Đại hội, dự các cuộc họp xã viên để bàn bạc và biểu quyết các công việc của Hợp tác xã.
5. Được trình bày ý kiến với Ban quản trị, Ban kiểm soát của Hợp tác xã và được yêu cầu trả lời; đề nghị Ban quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội xã viên bất thường.
6. Được Hợp tác xã cung cấp các thông tin kinh tế, kỹ thuật cần thiết; được Hợp tác xã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ.
7. Được hưởng thụ các phúc lợi xã hội chung của Hợp tác xã, được Hợp tác xã thực hiện các cam kết kinh tế, tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.
8. Được chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác nếu người đó có đủ điều kiện và tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã, được Đại hội xã viên chấp thuận.

9. Được tham gia các Hợp tác xã khác không cùng ngành, nghề với điều kiện phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Điều lệ Hợp tác xã mà mình tham gia.

10. Được tự nguyện xin ra Hợp tác xã. Khi muốn ra Hợp tác xã, xã viên phải làm đơn gửi Ban quản trị trước 30 ngày. Trường hợp được chấp thuận xã viên được trả lại vốn góp và các quyền lợi khác theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

11. Được thừa kế tài sản và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hợp tác xã.

12. Xã viên đi làm nghĩa vụ quân sự, nếu vốn góp còn để lại thì vẫn được chia lãi cho phần vốn góp; sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về được bố trí làm việc và là xã viên của Hợp tác xã.

Điều 7. Nghĩa vụ của xã viên:

1. Góp vốn theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã;
2. Tuân thủ Điều lệ, Nội quy, các Nghị quyết của Đại hội xã viên, chấp hành sự phân công của Ban quản trị.
3. Thực hiện các cam kết kinh tế với Hợp tác xã, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, chia sẻ rủi ro thiệt hại, thua lỗ của Hợp tác xã trong phạm vi vốn góp của mình, chịu trách nhiệm bồi hoàn các thiệt hại do mình gây ra theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.
4. Nộp các bảo hiểm xã hội theo Luật định.

Điều 8. Tư cách xã viên được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a. Xã viên chết;
- b. Xã viên xin ra Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã;
- c. Xã viên chuyển nhượng hết vốn và quyền lợi, nghĩa vụ cho người khác và đã làm xong thủ tục chuyển nhượng;
- d. Xã viên bị Đại hội xã viên khai trừ;
- đ. Xã viên không đi làm việc, không có quan hệ kinh tế đối với Hợp tác xã, không có đủ vốn góp theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã;
- e. Xã viên mất năng lực hành vi dân sự;

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ

Điều 9. Đại hội xã viên:

1. Đại hội xã viên có quyền quyết định cao nhất của Hợp tác xã.
2. Hợp tác xã có từ 150 xã viên trở lên thì có thể tổ chức Đại hội đại biểu xã viên (gọi chung là Đại hội xã viên), Đại hội đại biểu xã viên có nhiệm vụ và quyền hạn như Đại hội xã viên.
3. Đại hội xã viên thường kỳ họp mỗi năm một lần do Ban quản trị triệu tập trong vòng 3 tháng kể từ ngày khoá sổ quyết toán năm.
4. Đại hội xã viên bất thường do Ban quản trị hoặc Ban kiểm soát của Hợp tác xã triệu tập để quyết định những vấn đề cần thiết vượt quá quyền hạn của Ban quản trị và Ban Kiểm soát. Trong trường hợp có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số xã viên cùng có đơn yêu cầu triệu tập Đại hội xã viên gửi Ban quản trị hoặc Ban kiểm soát thì trong vòng 15 ngày (mười lăm) kể từ ngày nhận đủ đơn, Ban quản trị phải triệu tập Đại hội xã viên. Nếu quá thời hạn này mà Ban quản trị không triệu tập Đại hội thì Ban kiểm soát phải triệu tập Đại hội xã viên bất thường để giải quyết các vấn đề nêu trong đơn của xã viên.

Điều 10. Đại hội xã viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong năm của Hợp tác xã, báo cáo hoạt động của Ban quản trị và Ban kiểm soát.
2. Báo cáo công khai tài chính kế toán, dự kiến phân phối thu nhập và xử lý các khoản lỗ.
3. Thông qua phương hướng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kế hoạch hoạt động và huy động vốn trong năm tới của Hợp tác xã.
4. Tăng giảm vốn Điều lệ, trích lập các quỹ của Hợp tác xã.
5. Bầu hoặc bãi miễn chủ nhiệm Hợp tác xã, bầu bổ sung hoặc bãi miễn các thành viên khác của Ban quản trị và Ban kiểm soát.
6. Thông qua việc kết nạp xã viên mới và cho xã viên ra Hợp tác xã, quyết định khai trừ xã viên.
7. Hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã.
8. Sửa đổi Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã, tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã.